



TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRÚNG VƯƠNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
1	100035	NGUYỄN HOÀNG NAM ANH	03/08/2005	Nam	1	38.25	
2	100046	NGUYỄN TRẦN KIM ANH	06/02/2005	Nữ	2	35.25	
3	100095	LƯƠNG THỊ KIM CHI	17/09/2005	Nữ	1	35.5	
4	100107	NGUYỄN THỤY ĐAN	02/10/2005	Nữ	1	39.25	
5	100114	TĂNG VĨ ĐẠT	27/05/2005	Nam	1	38.25	
6	100132	LÊ TẤN DŨNG	28/11/2005	Nam	1	38	
7	100140	ĐỖ ĐỨC DUY	19/02/2005	Nam	1	35.25	
8	100184	ĐỖ THỊ HIỀN	06/09/2005	Nữ	1	39.5	
9	100210	PHAN NGUYỄN HÙNG	14/10/2005	Nam	1	38	
10	100221	ĐỖ NGÔ GIA HUY	01/11/2005	Nam	1	41.5	
11	100232	NGUYỄN MINH HUY	28/03/2005	Nam	2	37.75	
12	100264	PHAN NGỌC KHANH	16/07/2005	Nữ	2	35.75	
13	100268	LÊ NAM KHÁNH	19/04/2005	Nam	1	36.75	
14	100300	NGUYỄN TRỌNG KHƯƠNG	17/09/2005	Nam	2	36.5	
15	100363	PHẠM NGUYỄN TUỆ MINH	15/11/2005	Nữ	1	38	
16	100383	LÊ TRẦN KIM NGÂN	22/07/2005	Nữ	1	37.5	
17	100391	DƯƠNG NỮ BẢO NGHI	08/10/2005	Nữ	1	36.25	
18	100395	NGUYỄN MINH NGHI	27/06/2005	Nữ	1	36.25	
19	100429	VƯƠNG BẢO NGỌC	04/01/2005	Nữ	1	37.25	
20	100466	NGUYỄN NGỌC TUYẾT NHI	03/07/2005	Nữ	2	37	
21	100474	TRƯƠNG NGỌC YÊN NHI	15/07/2005	Nữ	1	36.25	
22	100475	TỪ YẾN NHI	10/03/2005	Nữ	1	39	
23	100486	ĐINH LÊ HOÀNG OANH	16/02/2005	Nữ	1	39.75	
24	100518	TẠ HOÀNG PHÚC	01/10/2005	Nam	1	41.5	
25	100532	NGUYỄN NGUYỄN PHƯƠNG	27/02/2005	Nữ	1	36	
26	100550	VŨ HOÀNG QUÂN	21/10/2005	Nam	1	42.25	
27	100555	TRẦN NHẬT QUANG	24/06/2005	Nam	1	38.25	
28	100563	NGUYỄN PHƯƠNG NHẬT QUỲNH	11/05/2005	Nữ	1	36.25	



TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRUNG VƯƠNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
29	100586	NGUYỄN MINH TÂM	17/09/2005	Nam	1	39	
30	100595	PHÙ TÂN THẮNG	08/07/2005	Nam	1	35.25	
31	100688	LÊ NGỌC KHÁNH TRÂM	15/02/2005	Nữ	1	43.5	
32	100712	ĐINH NGUYỄN TRỌNG TRÍ	30/04/2005	Nam	1	35.25	
33	100716	NGUYỄN THÀNH TRÍ	28/02/2005	Nam	1	35.25	
34	100752	HOÀNG HỮU TƯỜNG	20/01/2005	Nam	2	35.75	
35	100755	VŨ ĐÀM CÁT TƯỜNG	29/10/2005	Nữ	1	39.25	
36	100879	VÕ HỒNG MỸ ANH	23/05/2005	Nữ	1	37.25	
37	100896	NGÔ VƯƠNG THIÊN BẢO	02/05/2004	Nam	1	41.25	
38	100918	TRẦN HÀ CHÂU	14/06/2005	Nữ	1	38	
39	100952	DƯƠNG CÁT DU	16/10/2005	Nữ	1	39	
40	100983	LÊ NGỌC THANH DUYÊN	30/11/2005	Nữ	1	38.5	
41	100991	VÕ KIM GIÀU	07/12/2005	Nữ	1	40	
42	100994	NGUYỄN NGỌC NHẬT HẠ	06/05/2005	Nữ	1	36.25	
43	100999	ĐẶNG NGUYỄN GIA HÂN	02/01/2005	Nữ	1	38.5	
44	101087	PHẠM NGUYỄN MINH HUY	23/12/2005	Nam	2	38.75	
45	101099	LÊ PHƯỚC KHẢI	05/08/2005	Nam	1	36.5	
46	101176	HUỖNH MAI LINH	04/12/2005	Nữ	1	42.75	
47	101227	HUỖNH PHƯƠNG MINH	04/06/2005	Nữ	1	37	
48	101242	TRƯƠNG NHẬT THANH MINH	15/07/2005	Nam	1	35.5	
49	101275	DIỆP MẶN NGHI	23/07/2005	Nữ	1	36.75	
50	101335	HUỖNH NGỌC YẾN NHI	09/01/2005	Nữ	1	39.25	
51	101338	NGUYỄN GIA NHI	23/09/2005	Nữ	1	35	
52	101385	TRẦN LÊ NAM PHONG	15/03/2005	Nam	1	38.75	
53	101396	NGUYỄN ĐẶNG NGUYỄN PHÚC	03/10/2005	Nam	1	39.75	
54	101410	CAO MỸ PHƯƠNG	12/10/2005	Nữ	1	38.25	
55	101491	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH	28/01/2005	Nữ	1	37	
56	101526	NGUYỄN MINH THÔNG	05/06/2005	Nam	2	35.25	



TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRUNG VƯƠNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
57	101553	MAI THỊ PHƯƠNG THÙY	30/11/2005	Nữ	1	36.5	
58	101580	CHÂU KIẾN TOÀN	18/11/2005	Nam	1	40.5	
59	101613	LÊ KHẮC THANH TRÍ	25/03/2005	Nam	1	38.75	
60	101658	CAO MINH TÙNG	05/10/2005	Nam	1	37.75	
61	101687	MINH GIA VĂN	28/02/2005	Nữ	1	40.5	
62	101737	HOÀNG NHƯ Ý	27/11/2005	Nữ	1	37.75	
63	101745	MAI PHƯỚC AN	13/11/2005	Nam	1	35.75	
64	101749	NGUYỄN NGUYỄN AN	11/11/2005	Nam	1	35.75	
65	101750	PHẠM GIA AN	15/03/2005	Nam	1	36	
66	101775	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	17/10/2005	Nữ	1	40.25	
67	101776	NGUYỄN QUỲNH ANH	09/06/2005	Nữ	1	37.5	
68	101784	PHẠM LÊ QUỲNH ANH	26/05/2005	Nữ	1	35.5	
69	101796	TRỊNH DUY ANH	18/09/2005	Nam	1	43.75	
70	101812	NGUYỄN THIÊN BẢO	05/04/2005	Nam	1	36.5	
71	101813	NGUYỄN XUÂN BẢO	12/07/2005	Nam	1	37	
72	101828	PHẠM HOÀNG MINH CHÂU	22/06/2005	Nữ	1	38.5	
73	101829	NGUYỄN KHÁNH CHI	31/03/2005	Nữ	2	36	
74	101831	VŨ LƯƠNG MINH CHIẾN	21/10/2005	Nam	1	35	
75	101833	ĐOÀN VŨ GIA CƠ	25/03/2005	Nam	1	35.25	
76	101834	NGÔ NAM CÔNG	12/07/2005	Nam	1	36.5	
77	101841	NGUYỄN MINH ĐĂNG	05/05/2005	Nam	1	36.5	
78	101844	PHẠM BÍCH ĐÀO	24/01/2005	Nữ	1	36.75	
79	101858	TRẦN PHÚ ĐỨC	19/12/2005	Nam	1	36	
80	101864	VŨ QUỐC DŨNG	13/09/2005	Nam	1	37.75	
81	101885	TRẦN VIỆT HÀ	23/04/2005	Nam	2	35.25	
82	101896	PHÙNG BẢO THÚY HẰNG	24/04/2005	Nữ	1	39.75	
83	101925	PHẠM KHÁNH HƯNG	09/11/2005	Nam	2	36.25	
84	101926	TRƯƠNG VIỆT HƯNG	07/04/2005	Nam	1	35	



TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

THPT TRUNG VƯƠNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
85	101927	ĐINH HOÀNG THIÊN HƯƠNG	02/03/2005	Nữ	2	37.75	
86	101938	NGUYỄN ĐÌNH HUY	20/05/2005	Nam	2	35.25	
87	101963	TỪ GIA KHANG	03/10/2005	Nam	1	35.75	
88	101964	VÕ PHẠM MINH KHANG	18/08/2005	Nam	1	35	
89	101966	VŨ GIA KHANG	22/12/2005	Nam	2	38.75	
90	101968	LÊ BẢO KHANH	30/09/2005	Nữ	1	37	
91	101976	NGUYỄN ĐÌNH GIA KHÁNH	21/06/2005	Nam	1	35.5	
92	101995	NGUYỄN HỮU ANH KHOA	10/04/2005	Nam	1	41	
93	102000	THÁI ANH KHOA	05/01/2005	Nam	1	36	
94	102002	BÙI MINH KHÔI	07/12/2005	Nam	1	41.25	
95	102003	CAO ANH KHÔI	28/07/2005	Nam	1	38	
96	102005	LÊ MINH KHÔI	03/08/2005	Nam	1	41	
97	102012	NGÔ MINH KHUÊ	29/03/2005	Nữ	1	35.25	
98	102026	TỪ TUẤN KIẾT	31/10/2005	Nam	1	38	
99	102028	BÀNH NGỌC BẢO LAM	27/10/2005	Nữ	1	39.25	
100	102029	NGUYỄN SONG NHẬT LAM	27/10/2005	Nữ	1	37.25	
101	102030	ĐÀO THỊ BẢO LÂM	23/08/2005	Nữ	1	40.25	
102	102038	ĐINH MỸ LINH	23/07/2005	Nữ	1	36	
103	102045	PHẠM LÊ KHÁNH LINH	26/09/2005	Nữ	2	37.75	
104	102049	HOÀNG THIÊN LỘC	23/03/2005	Nam	1	37.25	
105	102062	PHẠM LÊ PHI LONG	12/12/2005	Nam	2	35.25	
106	102071	ĐÀO ANH MINH	26/10/2005	Nam	1	37	
107	102072	ĐỖ DƯƠNG QUANG MINH	29/11/2005	Nam	2	38.25	
108	102081	NGUYỄN ĐẮC MINH	20/04/2005	Nam	2	38	
109	102091	PHẠM TRUNG HOÀNG MINH	05/04/2005	Nam	2	37	
110	102096	TRẦN THỊ HẢI MINH	08/12/2005	Nữ	1	35.75	
111	102103	LÊ NGUYỄN HẢI NAM	23/05/2005	Nam	1	38.25	
112	102105	TRẦN LÊ NAM	13/03/2005	Nam	1	38.75	



TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

THPT TRUNG VƯƠNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
113	102110	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	04/07/2005	Nữ	2	36.25	
114	102112	TRẦN QUANG BẢO NGÂN	11/06/2005	Nam	1	38.75	
115	102132	TRẦN BẢO NGỌC	29/10/2005	Nữ	2	38	
116	102133	TRẦN HỒNG NGỌC	24/06/2005	Nữ	1	35.75	
117	102150	NINH THIÊN NHÂN	04/04/2005	Nam	2	38.5	
118	102155	LÂM PHƯƠNG NHI	31/05/2005	Nữ	1	41.25	
119	102158	TRẦN NGỌC KHÁNH NHI	30/06/2005	Nữ	1	37.25	
120	102162	NGUYỄN THANH NHIÊN	25/08/2005	Nam	1	36.25	
121	102166	LÊ QUỲNH NHƯ	05/08/2005	Nữ	1	35.25	
122	102171	TRƯƠNG TÂM NHƯ	02/11/2004	Nữ	2	38.75	
123	102190	LÊ MINH VĨNH PHÚC	24/10/2005	Nam	1	40.75	
124	102196	NGUYỄN TẤN PHÚC	02/05/2005	Nam	1	38	
125	102197	NGUYỄN Y HOÀNG PHÚC	06/11/2005	Nam	1	38.75	
126	102204	VŨ LÊ HOÀNG PHÚC	24/02/2005	Nam	1	38.25	
127	102220	PHAN ĐẶNG MINH QUÂN	11/08/2005	Nam	2	36.25	
128	102222	VĂN VI QUÂN	01/09/2005	Nữ	2	36.75	
129	102225	DIỆP CHÍ QUANG	01/01/2005	Nam	2	38.5	
130	102226	ĐÌNH MỘC KIM QUANG	10/07/2005	Nam	1	37	
131	102227	DƯƠNG ĐỊNH QUANG	04/04/2005	Nam	1	37	
132	102233	TRẦN THIÊN QUỐC	02/03/2005	Nam	1	35.5	
133	102252	LÊ BẢO NHẬT TÂN	01/05/2005	Nam	1	36.25	
134	102260	PHAN TẮT THÀNH	07/07/2005	Nam	1	35	
135	102279	TRẦN TIẾN THỊNH	05/07/2005	Nam	1	38.5	
136	102281	ĐẶNG QUẾ THÔNG	29/11/2005	Nam	1	39.75	
137	102288	LƯƠNG NGỌC ANH THU'	09/08/2005	Nữ	2	38.5	
138	102308	TRỊNH THUY TIÊN	10/08/2005	Nữ	2	37.25	
139	102309	HỒ MINH TIẾN	09/11/2005	Nam	1	37.25	
140	102323	HUỲNH TRƯƠNG BẢO TRÂN	01/06/2005	Nữ	1	39.5	



TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

THPT TRUNG VƯƠNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
141	102326	TRẦN BẢO TRÂN	17/05/2005	Nữ	1	41	
142	102344	HUỲNH NHẬT MINH TRUNG	07/06/2005	Nam	1	36.5	
143	102348	ĐỖ NGUYỄN MẠNH TÚ	03/05/2005	Nam	1	38.5	
144	102365	NGUYỄN LÊ CÁT TƯỜNG	21/12/2005	Nữ	2	35.25	
145	102373	LÊ HẢI VÂN	15/04/2005	Nữ	1	38	
146	102402	LƯU NHƯ Ý	02/03/2005	Nữ	1	37.75	
147	102429	PHẠM THỊ TUYẾT ANH	22/04/2005	Nữ	1	42.25	
148	102431	VŨ TIẾN ĐẠT	18/10/2005	Nam	1	35.25	
149	102433	TRẦN GIA HÂN	23/06/2005	Nữ	1	36.5	
150	102435	LÝ QUỐC HÀO	13/06/2005	Nam	1	41.75	
151	102440	NGUYỄN DƯƠNG KHÁNH NGÂN	02/12/2005	Nữ	1	36.5	
152	102441	NGÔ NGỌC TỔ NHƯ	29/09/2005	Nữ	1	38	
153	102443	NGUYỄN HOÀNG PHONG	15/08/2005	Nam	1	39.5	
154	102444	HÀ MINH PHÚC	12/08/2005	Nam	1	38.5	
155	102447	TRẦN MINH QUANG	02/08/2005	Nam	1	42.25	
156	102450	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG THÙY	28/03/2005	Nữ	1	41	
157	102452	PHẠM THỊ THÙY TRANG	19/06/2005	Nữ	1	37.75	
158	102453	LÊ PHẠM HẢI TRIỀU	27/08/2005	Nữ	1	38	
159	102454	VŨ NGỌC LÊ UYÊN	10/02/2005	Nữ	1	43.25	
160	102480	HÀ THỊ THANH AN	08/07/2005	Nữ	1	36.25	
161	102491	LÊ NGỌC ĐÔNG ANH	11/11/2005	Nam	2	36.25	
162	102499	NGUYỄN KIM ANH	29/07/2005	Nữ	1	39	
163	102504	PHẠM QUỐC ANH	02/10/2005	Nam	2	35.75	
164	102506	PHẠM TRÂM ANH	20/10/2005	Nữ	1	37	
165	102521	NGUYỄN HUỲNH NGỌC BÍCH	26/10/2005	Nữ	2	37.5	
166	102525	VŨ HẢI BÌNH	31/12/2005	Nữ	1	38.5	
167	102534	NGUYỄN NGỌC DIỆP CHI	06/12/2005	Nữ	1	37	
168	102538	NGUYỄN THÀNH CÔNG	19/05/2005	Nam	1	39.5	



TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

THPT TRUNG VƯƠNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
169	102543	TRỊNH LINH ĐAN	07/12/2005	Nữ	1	37	
170	102552	ĐẶNG DƯƠNG ĐÔNG	03/08/2005	Nam	1	35.5	
171	102563	BÙI BẢO DƯƠNG	31/08/2005	Nam	1	35.25	
172	102570	HUỲNH QUỐC DUY	22/08/2005	Nam	1	35.75	
173	102605	NGUYỄN HỮU HOÀNG	17/12/2005	Nam	1	38.5	
174	102615	CÙ ĐỨC DƯƠNG HUY	15/07/2005	Nam	1	40	
175	102619	NGUYỄN QUANG HUY	07/04/2005	Nam	1	37.5	
176	102621	NGUYỄN QUỐC HUY	20/05/2005	Nam	1	36	
177	102633	TRẦN NGUYỄN PHI KHANH	28/08/2005	Nam	1	40.5	
178	102635	NGUYỄN BẢO KHÁNH	24/02/2005	Nam	1	39	
179	102645	TRẦN TUẤN KHOA	01/09/2005	Nam	2	36.25	
180	102655	NGUYỄN TRUNG KIÊN	19/05/2005	Nam	1	36.75	
181	102658	CAO XUÂN KIẾT	01/01/2005	Nam	1	36.5	
182	102664	VŨ ANH KỶ	22/11/2005	Nam	2	36	
183	102679	NGUYỄN KHÁNH LINH	29/01/2005	Nữ	1	39	
184	102686	NGUYỄN HOÀNG TẤN LỘC	19/09/2005	Nam	1	35.5	
185	102691	HUỲNH QUANG LONG	06/05/2005	Nam	1	35.25	
186	102708	HÀ QUANG MINH	04/07/2005	Nam	1	35.75	
187	102709	LÊ THIỆN MINH	09/08/2005	Nam	1	35.75	
188	102710	LÊ TRẦN ĐỨC MINH	11/07/2005	Nam	1	41	
189	102738	NGUYỄN VÕ PHƯƠNG NGHI	12/03/2005	Nữ	1	37.5	
190	102746	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	18/10/2005	Nữ	1	37.5	
191	102750	VÕ BÍCH NGỌC	25/06/2004	Nữ	1	36.5	
192	102754	NGUYỄN KHÁNH NGUYÊN	01/02/2005	Nữ	1	36.75	
193	102758	PHAN THẢO NGUYÊN	27/06/2005	Nữ	2	38	
194	102763	HUỲNH HẢI NHI	20/12/2005	Nữ	2	37.25	
195	102770	PHAN LÊ UYÊN NHI	09/05/2005	Nữ	1	35.25	
196	102779	NGÔ HY NINH	17/11/2005	Nam	2	38.25	



TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

THPT TRƯNG VƯƠNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
197	102795	ĐÀO DUY LAM PHƯƠNG	15/01/2005	Nữ	1	39	
198	102804	DƯƠNG HỒNG QUANG	14/01/2005	Nam	1	36.5	
199	102806	NGUYỄN NHẬT QUANG	29/11/2005	Nam	1	37.25	
200	102813	NGUYỄN NGỌC THÚY QUYÊN	17/02/2005	Nữ	1	35.5	
201	102819	NGUYỄN HOÀNG TIỂU QUỲNH	04/09/2005	Nữ	1	37.5	
202	102828	NGUYỄN ANH VIỆT SƠN	12/01/2005	Nam	1	35.75	
203	102841	ĐỖ QUỐC TẤN	26/04/2005	Nam	1	36.75	
204	102843	HOÀNG QUỐC THÁI	01/05/2005	Nam	1	39.25	
205	102856	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	28/01/2005	Nữ	1	37.75	
206	102857	NGUYỄN THỊ THẠCH THẢO	28/07/2005	Nữ	2	38.75	
207	102862	VŨ THANH THẢO	12/03/2005	Nữ	1	39.75	
208	102871	NGUYỄN HƯNG THỊNH	18/10/2005	Nam	1	38	
209	102878	NGUYỄN MINH THU	11/11/2005	Nữ	1	36.5	
210	102881	NGUYỄN NGỌC ANH THU	30/09/2005	Nữ	1	38.5	
211	102885	VÕ HOÀNG HOÀI THƯƠNG	30/09/2005	Nữ	1	35	
212	102893	NGUYỄN PHẠM THỦY TIÊN	21/03/2005	Nữ	1	39.5	
213	102911	NGUYỄN LÊ HỮU TRÍ	28/07/2005	Nam	1	35.25	
214	102914	TRẦN ĐỨC TRỌNG	18/01/2005	Nam	1	36.75	
215	102916	KIỀU THANH TRÚC	26/05/2005	Nữ	1	37	
216	102931	LÊ TUẤN	29/09/2005	Nam	1	40	
217	102935	DƯƠNG THANH TÙNG	10/04/2005	Nam	1	38	
218	102936	TRẦN NGUYỄN CÁT TƯỜNG	19/07/2005	Nữ	1	37.75	
219	102938	PHAN TRẦN PHƯƠNG UYÊN	05/08/2005	Nữ	1	39.25	
220	102940	TRẦN THỊ PHƯƠNG UYÊN	18/08/2005	Nữ	1	37.25	
221	102950	PHẠM KHÁNH VI	03/06/2005	Nữ	2	35.75	
222	102975	LƯƠNG NGUYỄN HẢI YẾN	24/05/2005	Nữ	1	36.5	
223	102976	NGUYỄN HẢI YẾN	30/11/2005	Nữ	1	38.5	
224	103040	ĐÀO PHẠM THÙY DUNG	27/08/2005	Nữ	2	37.75	



TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

THPT TRƯNG VƯƠNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
225	103041	ĐỖ MẠNH DŨNG	30/11/2005	Nam	1	38.25	
226	103042	LÊ ANH DŨNG	29/08/2005	Nam	1	37.75	
227	103043	LÊ TRẦN QUỐC DŨNG	19/08/2005	Nam	1	36.75	
228	103047	NGUYỄN NGỌC HOÀNG DƯƠNG	13/06/2005	Nam	1	38.75	
229	103058	LÊ HÀ GIA HÂN	18/05/2005	Nữ	1	43.75	
230	103065	NGUYỄN HỮU HẢO	15/04/2005	Nữ	1	35.5	
231	103072	NGUYỄN NHẬT HIẾU	12/06/2005	Nam	1	37.75	
232	103154	TRỊNH GIA MINH	21/09/2005	Nữ	1	35	
233	103170	TRẦN NGUYỄN KIM NGÂN	27/12/2005	Nữ	1	40	
234	103174	NGUYỄN MỸ XUÂN NGHI	23/08/2005	Nữ	1	38	
235	103181	NGUYỄN PHẠM TRUNG NGHĨA	27/04/2005	Nam	1	36	
236	103186	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	02/12/2005	Nữ	1	41	
237	103202	LÂM NGUYỄN YẾN NHI	28/08/2005	Nữ	1	35	
238	103215	DƯƠNG HỒNG NHUNG	04/08/2005	Nữ	1	40.5	
239	103224	NGUYỄN HOÀNG PHÚ	04/11/2005	Nam	1	38	
240	103237	NGUYỄN ĐỨC QUANG	06/03/2005	Nam	1	40.25	
241	103265	LÊ THỊ MỸ THANH	03/10/2005	Nữ	1	38.25	
242	103273	THÁI HUỲNH THANH THẢO	05/05/2005	Nữ	1	38.25	
243	103300	NGUYỄN NGỌC MINH THUY	04/11/2005	Nữ	1	42.75	
244	103305	VŨ QUỲNH THY	20/07/2005	Nữ	1	38.25	
245	103307	NGUYỄN NGÂN TIÊN	07/05/2005	Nữ	1	40.75	
246	103311	TRƯƠNG GIA CÁT TIÊN	29/09/2005	Nữ	1	35.5	
247	103312	TRƯƠNG NGỌC CẨM TIÊN	04/05/2005	Nữ	1	38.75	
248	103313	VÕ THỦY TIÊN	26/11/2005	Nữ	1	37.75	
249	103314	LÊ TRẦN HỮU TÍN	18/05/2005	Nam	1	38.5	
250	103315	NGUYỄN THANH TÍN	03/05/2005	Nam	1	35.25	
251	103321	LÂM NGỌC BẢO TRÂM	15/05/2005	Nữ	1	40.75	
252	103327	LÊ HOÀNG BẢO TRÂN	18/05/2005	Nữ	1	39.25	



TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRUNG VƯƠNG

STT	SBDs	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
253	103334	NGUYỄN THỊ MINH TRANG	29/08/2005	Nữ	1	37.5	
254	103335	PHẠM Ý TRANG	13/09/2005	Nữ	1	37.75	
255	103355	NGUYỄN DƯƠNG MINH TUYẾT	17/11/2005	Nữ	1	35.25	
256	103381	VÕ NHƯ Ý	28/07/2005	Nữ	2	36	
257	103391	ĐẶNG QUỐC ANH	09/01/2005	Nam	1	38.25	
258	103403	TRẦN ĐÌNH TIẾN ANH	31/08/2005	Nam	1	38.5	
259	103407	NGUYỄN PHẠM NGỌC ÁNH	19/02/2005	Nữ	1	38.25	
260	103426	NGUYỄN THÀNH CHIẾN	02/10/2005	Nam	1	38.5	
261	103497	PHẠM HUỖNH ANH HÀO	05/07/2005	Nam	1	40	
262	103521	NGUYỄN MẠNH HÙNG	17/11/2005	Nam	1	42	
263	103534	PHẠM VŨ GIA HUY	30/12/2005	Nam	1	37.25	
264	103544	LÝ THỊ TRÚC HUỖNH	30/04/2005	Nữ	1	41.5	
265	103547	PHẠM KHA	15/04/2005	Nam	1	36.25	
266	103550	MAI HUY KHANG	01/06/2005	Nam	1	38.25	
267	103581	BÙI TUẤN KIẾT	16/10/2005	Nam	1	35	
268	103591	VÕ NGUYỄN THANH KIM	15/02/2005	Nữ	1	40.75	
269	103610	CHÂU GIA LỘC	30/08/2005	Nam	1	35	
270	103654	NGUYỄN SONG NGÂN	08/06/2005	Nữ	1	39	
271	103660	TRƯƠNG NGỌC KIM NGÂN	01/06/2005	Nữ	2	38	
272	103667	ĐỒNG MINH NGỌC	24/10/2005	Nam	1	35.75	
273	103676	VÕ HÀ BÍCH NGỌC	10/04/2005	Nữ	1	36	
274	103698	LÊ THẢO NHI	26/07/2005	Nữ	1	36.25	
275	103702	NGUYỄN NGỌC BẢO NHI	13/01/2005	Nữ	1	39.5	
276	103714	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	13/01/2005	Nữ	1	38.75	
277	103721	NGUYỄN TRẦN TUẤN PHONG	27/05/2005	Nam	1	40	
278	103735	PHẠM THIÊN PHÚC	29/11/2005	Nam	1	37.25	
279	103802	HOÀNG THỊ HỒNG THẨM	03/01/2005	Nữ	1	37.5	
280	103809	VŨ SỸ THANH	12/08/2005	Nam	1	35	



TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯNG VƯƠNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
281	103827	NGUYỄN ĐẶNG NGỌC THƠ	07/11/2005	Nữ	1	35.5	
282	103860	NGUYỄN ĐỖ MAI THY	14/08/2005	Nữ	1	38	
283	103884	TRẦN NGỌC QUẾ TRẦN	17/05/2005	Nữ	1	39.75	
284	103910	TRẦN ĐÔNG TRÚC	01/09/2005	Nữ	1	35.75	
285	103919	DƯƠNG CÔNG TUẤN	17/02/2005	Nam	1	38.5	
286	103934	LÊ TRẦN TIẾN VIỆT	22/02/2005	Nam	2	36	
287	103949	NGUYỄN HẢI YẾN	04/06/2005	Nữ	1	41.25	
288	104026	NGUYỄN PHƯỚC LAN ANH	01/06/2005	Nữ	1	35.25	
289	104135	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	19/07/2005	Nam	1	36.75	
290	104228	LÊ TRẦN BẢO HÂN	20/07/2005	Nữ	1	42.5	
291	104383	NGUYỄN VÕ NGUYỄN KHANG	14/07/2005	Nam	1	38	
292	104498	ĐỖ HUYỀN LINH	05/11/2005	Nữ	1	39.5	
293	104511	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	03/04/2005	Nữ	2	37.5	
294	104548	ĐẶNG ĐỨC MINH	09/03/2005	Nam	1	37	
295	104574	TRẦN THỊ TUYẾT MINH	03/05/2005	Nữ	1	37.25	
296	104802	NHIÊU YẾN PHƯƠNG	02/11/2005	Nữ	1	36	
297	104825	PHÙNG THẾ QUÂN	20/11/2005	Nam	1	39.25	
298	104922	TRẦN THỊ THANH THẢO	27/07/2005	Nữ	1	36	
299	104925	LÝ MINH THIÊN	29/12/2005	Nam	1	37.75	
300	105017	ĐINH LÊ MỸ TRÀ	12/01/2005	Nữ	1	35.75	
301	105026	NGUYỄN THỊ KIỀU TRÂM	07/04/2005	Nữ	1	36	
302	105081	LẠI MỸ TRÚC	09/05/2005	Nữ	1	35.25	
303	105141	TÔ TỊNH VĂN	12/01/2005	Nữ	1	38	
304	105193	TRẦN NGỌC NHƯ Ý	16/11/2005	Nữ	1	36.75	
305	105225	NGUYỄN HOÀNG GIA	12/10/2005	Nam	2	36.5	
306	105233	PHAN THÀNH MINH KHÔI	09/11/2005	Nam	1	35.75	
307	105256	NGUYỄN THANH TRÚC	28/11/2005	Nữ	1	36	
308	105451	TRỊNH MAI CHI	26/12/2005	Nữ	1	35.5	



TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRUNG VƯƠNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
309	105517	TRẦN NGUYỄN MINH DUY	29/04/2005	Nam	1	36	
310	105527	BÙI NGỌC PHƯƠNG GIAO	02/12/2005	Nữ	1	42	
311	105642	PHÙNG NGỌC HUY	05/10/2005	Nam	1	41.5	
312	105654	NGUYỄN TRÍ KHẢI	17/11/2005	Nam	1	38.75	
313	105659	HOÀNG DUY KHANG	17/10/2005	Nam	2	35.25	
314	105679	LƯƠNG MỸ KHÁNH	19/07/2005	Nữ	1	37	
315	105682	NGUYỄN PHƯƠNG KHÁNH	28/01/2005	Nữ	1	36	
316	106081	NGUYỄN TUẤN MINH QUÂN	24/10/2005	Nam	1	36.5	
317	106090	NGUYỄN ĐĂNG QUANG	12/09/2005	Nam	1	38.25	
318	106102	TRẦN TỔ QUYÊN	02/07/2005	Nữ	1	37.25	
319	106187	PHẠM PHƯƠNG THẢO	03/03/2005	Nữ	1	35.75	
320	106241	LÊ TRẦN THUẬN	28/10/2005	Nam	1	36.5	
321	106355	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	12/05/2005	Nam	1	35	
322	106374	PHẠM THỊ QUẾ UYÊN	21/11/2004	Nữ	1	35.5	
323	106398	THIỀU QUANG VINH	01/06/2005	Nam	2	35.5	
324	106433	PHAN NHẬT VY	09/05/2005	Nữ	1	38.25	
325	106481	PHAN QUỲNH ANH	25/08/2005	Nữ	1	36.75	
326	106509	ĐẶNG THÀNH DANH	05/11/2005	Nam	1	40	
327	106522	TRƯƠNG QUỐC ĐẠT	18/05/2005	Nam	1	37.25	
328	106527	TỔNG VIỆT ĐÔN	02/01/2005	Nam	1	35.75	
329	106570	VÒNG PHẠM KHẢI HÂN	17/10/2005	Nữ	1	37.75	
330	106571	ĐOÀN THANH HẰNG	29/10/2005	Nữ	1	40.5	
331	106602	NGUYỄN LÊ MINH HUÂN	10/08/2005	Nam	1	36.5	
332	106618	TRẦN QUANG HUY	19/10/2005	Nam	1	36	
333	106637	MAI NGỌC KIM KHÁNH	25/03/2005	Nữ	1	36	
334	106652	TRẦN ĐĂNG KHOA	07/06/2005	Nam	1	35	
335	106677	NGÔ NGỌC YẾN LINH	06/11/2005	Nữ	1	38.5	
336	106680	NGUYỄN PHÚC MỸ LINH	08/04/2005	Nữ	1	36.5	



TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRUNG VƯƠNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
337	106683	PHẠM GIA LINH	31/01/2005	Nữ	1	36.25	
338	106706	DƯƠNG HOÀNG MINH	22/08/2005	Nam	1	36.5	
339	106708	LÊ HÀ MINH	05/10/2005	Nam	1	41	
340	106734	HỒ NGỌC YẾN NGHI	08/08/2005	Nữ	1	35.75	
341	106758	NGUYỄN HÀ TRIỀU NGUYỄN	12/07/2005	Nữ	1	36	
342	106769	VĂN MỸ NHÂN	20/06/2005	Nữ	1	37.5	
343	106896	PHẠM TẤN TÀI	30/03/2005	Nam	1	35.5	
344	106980	ĐOÀN THỊ NGỌC TRÂM	06/11/2005	Nữ	1	38	
345	107073	LẠI TRẦN THẢO VY	16/06/2005	Nữ	1	38.75	
346	107105	HUỲNH HẢI YẾN	04/11/2005	Nữ	1	38.75	
347	107141	VÕ DUY ANH	20/11/2005	Nam	1	36.75	
348	107150	HOÀNG THIÊN BẢO	03/04/2005	Nam	1	35	
349	107152	LIÊNG THIÊN BẢO	30/01/2005	Nam	1	37	
350	107200	NGUYỄN TRÍ DŨNG	20/10/2005	Nam	1	35.75	
351	107207	HỨA VŨ DUY	12/05/2005	Nam	1	37.75	
352	107255	VŨ HOÀNG HIỆP	15/02/2005	Nam	1	35	
353	107272	ĐOÀN QUỐC HÙNG	28/07/2005	Nam	1	35.5	
354	107313	NGUYỄN QUỐC ANH KHOA	05/04/2005	Nam	1	36.5	
355	107328	HỒ MAI HÀO KIỆT	05/06/2005	Nam	2	36.25	
356	107381	NGUYỄN XUÂN MAI	22/06/2005	Nữ	1	37.75	
357	107503	TRẦN DƯƠNG MINH PHÚ	24/12/2005	Nam	1	39.25	
358	107510	TRẦN ĐÌNH THIÊN PHÚC	04/08/2005	Nam	1	37.5	
359	107530	NGUYỄN MINH QUÂN	02/08/2005	Nam	1	41.25	
360	107543	VÕ NHƯ QUỲNH	14/03/2005	Nữ	1	35	
361	107573	ĐỖ NGUYỄN UYÊN THANH	04/02/2005	Nữ	1	38.75	
362	107587	TÔ THANH THẢO	09/09/2005	Nữ	1	36.5	
363	107591	DƯƠNG MINH THIỆN	24/12/2005	Nam	1	37.25	
364	107657	NGUYỄN PHẠM THÙY TRANG	03/04/2005	Nữ	1	37	



TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRUNG VƯƠNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
365	107731	HUYỀN LÊ QUANG VINH	14/04/2005	Nam	1	35	
366	107820	TRƯƠNG PHÚC HOÀNG ANH	05/01/2005	Nam	1	37.75	
367	108227	LÂM MỸ LIÊN	07/03/2005	Nữ	1	41	
368	108625	HUỲNH PHƯƠNG TÂN	09/10/2005	Nam	1	36.25	
369	108894	PHẠM NGUYỄN HOÀNG VŨ	24/05/2005	Nam	1	37.25	
370	112923	HUỲNH PHẠM THÙY ANH	12/06/2005	Nữ	1	36.75	
371	112936	NGUYỄN TRÂM ANH	27/02/2005	Nữ	1	36.25	
372	112939	PHẠM HOÀNG ANH	07/01/2005	Nữ	1	38	
373	112941	PHẠM NGUYỄN TÚ ANH	04/01/2005	Nữ	1	36.5	
374	112946	TRỊNH VŨ QUỲNH ANH	19/06/2005	Nữ	1	37.75	
375	112984	NGUYỄN THIỆN CHÍ	21/01/2005	Nam	2	35.75	
376	112994	TRƯƠNG TRỊNH HẢI ĐĂNG	12/11/2005	Nữ	1	39.5	
377	113014	VŨ THÀNH ĐẠT	29/11/2005	Nam	1	37.5	
378	113032	NGUYỄN MINH DUY	08/05/2005	Nam	1	35.75	
379	113069	PHAN THANH THÚY HẰNG	21/01/2005	Nữ	1	44.25	
380	113102	LÊ ĐOÀN GIA HÙNG	29/10/2005	Nam	1	38.25	
381	113124	TRƯƠNG GIA HY	25/10/2005	Nam	1	38.25	
382	113128	VŨ NGỌC NGÂN KHA	25/10/2005	Nữ	1	39.25	
383	113130	ĐOÀN QUANG KHẢI	04/06/2005	Nam	1	39.5	
384	113140	NGUYỄN DUY KHANG	02/05/2005	Nam	1	41.25	
385	113177	TRẦN NGUYỄN ĐĂNG KHÔI	21/06/2005	Nam	1	36.25	
386	113208	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	02/02/2005	Nữ	1	37.75	
387	113215	VŨ KHÁNH LINH	24/05/2005	Nữ	1	40.5	
388	113218	TRẦN NGUYỄN THANH LOAN	16/02/2005	Nữ	1	39.5	
389	113229	LÊ NGUYỄN KHÁNH LY	13/11/2005	Nữ	1	37.75	
390	113231	LÊ NGỌC MAI	06/01/2005	Nữ	1	35.25	
391	113245	TRƯƠNG NGỌC MINH	09/01/2005	Nam	1	42	
392	113256	NGUYỄN NHẬT NAM	20/10/2005	Nam	1	37.25	



TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRUNG VƯƠNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
393	113268	LƯ NGUYỄN THANH NGÂN	17/04/2005	Nữ	1	36	
394	113290	DƯƠNG MINH BẢO NGỌC	04/07/2005	Nữ	1	40.5	
395	113322	LÊ NGỌC DIỄM NHI	21/05/2005	Nữ	1	35	
396	113371	PHẠM MAI TÂM PHÚC	22/10/2005	Nam	1	35.25	
397	113383	NGUYỄN BÙI THANH PHƯƠNG	11/09/2005	Nữ	1	39.75	
398	113411	NGUYỄN ĐÌNH SANG	29/11/2005	Nam	1	39.25	
399	113451	LƯƠNG TIẾN THÀNH	20/09/2005	Nam	1	40	
400	113463	PHẠM PHƯƠNG THẢO	08/09/2005	Nữ	1	38	
401	113480	ĐOÀN MINH THU'	08/03/2005	Nữ	1	41.25	
402	113501	DƯƠNG HỒNG THY	27/02/2005	Nữ	1	36.25	
403	113531	CAO THANH BẢO TRẦN	01/10/2005	Nữ	1	39.25	
404	113584	VÕ HUỲNH CẨM TÚ	30/08/2005	Nữ	1	42.25	
405	113594	PHAN HỮU SƠN TÙNG	10/06/2005	Nam	1	35.25	
406	113607	LÊ THỊ PHƯƠNG UYÊN	24/11/2005	Nữ	1	37.5	
407	113637	HUỲNH KHẢ VY	12/11/2005	Nữ	1	40	
408	113638	HUỲNH KHÁNH VY	19/11/2005	Nữ	1	38.5	
409	113650	PHẠM TRẦN YẾN VY	07/06/2005	Nữ	1	37.75	
410	113656	TRÁT HOÀNG YẾN VY	27/07/2005	Nữ	1	35.5	
411	113663	AN THỊ HẢI YẾN	12/05/2005	Nữ	1	36.75	
412	113687	NGUYỄN NGỌC VÂN ANH	16/08/2005	Nữ	1	36	
413	113699	TRẦN TUẤN ANH	18/08/2005	Nam	1	35.5	
414	114100	NGUYỄN ĐẶNG CẨM QUỲNH	04/09/2005	Nữ	1	37.5	
415	114156	BÙI NGUYỄN CA THY	11/12/2005	Nữ	1	36.25	
416	114228	NGUYỄN LẠC UY	10/04/2005	Nam	1	40.25	
417	114255	NGUYỄN NGỌC KHÁNH VY	28/10/2005	Nữ	1	40	
418	114276	LÃ TRƯỜNG AN	05/01/2005	Nam	1	40.5	
419	114288	HÀ VŨ TRÂM ANH	06/09/2005	Nữ	1	39.5	
420	114307	HỒ VĨNH BẮC	12/10/2005	Nam	1	36.25	



TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRUNG VƯƠNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
421	114341	TRẦN NGUYỄN TIẾN ĐẠT	24/08/2005	Nam	1	36.25	
422	114344	NGUYỄN VÕ MINH DI	06/02/2005	Nam	1	38.5	
423	114352	NGUYỄN TRƯỞNG HÀO ĐÔNG	05/01/2005	Nam	1	36	
424	114362	LÊ ĐỖ THÙY DƯƠNG	14/11/2005	Nữ	1	41.75	
425	114396	LÂM PHÚ HÀO	23/09/2005	Nam	1	41.75	
426	114410	ĐÀO THANH ANH HÒA	25/06/2005	Nam	2	37.75	
427	114447	NGUYỄN ĐAN HUY	19/12/2005	Nam	1	39	
428	114468	LÊ MINH KHÁNH	14/11/2005	Nam	1	41	
429	114535	ĐOÀN LÂM CÔNG LUẬN	08/06/2005	Nam	1	37.75	
430	114541	TRẦN HOÀNG MAI	03/05/2005	Nữ	1	37.5	
431	114607	NGUYỄN TÙNG NHÂN	08/11/2005	Nam	1	40.25	
432	114613	BÙI THỊ YẾN NHI	10/07/2005	Nữ	1	36.5	
433	114640	NGUYỄN KIỀU OANH	14/05/2005	Nữ	1	38.25	
434	114657	ĐỖ HOÀNG PHÚC	06/06/2005	Nam	1	38.5	
435	114830	HOÀNG CAO TUẤN	24/02/2005	Nam	1	36.25	
436	114837	ĐINH THANH TÙNG	03/12/2005	Nam	1	42.5	
437	115415	NGÔ MỸ TÚ	13/08/2005	Nữ	1	42	
438	119462	PHAN GIA KHANH	10/10/2005	Nữ	1	35.75	
439	119463	PHAN THOẠI KHANH	10/10/2005	Nữ	1	38.75	
440	119548	LƯỜNG PHƯƠNG MAI	31/10/2005	Nữ	1	37.25	
441	120224	NGUYỄN LÊ QUỲNH HÂN	11/04/2005	Nữ	1	35.5	
442	120640	LÊ ANH THƯ	22/06/2005	Nữ	1	35.25	
443	120747	ĐẶNG TÚ UYÊN	06/08/2005	Nữ	2	38.5	
444	121553	NGUYỄN LÊ UYÊN	27/02/2005	Nữ	1	36.25	
445	130101	NGUYỄN MINH ANH	22/08/2005	Nữ	1	36.75	
446	130430	ĐINH THUY UYÊN KHANH	04/04/2005	Nữ	1	36.75	
447	130603	TRẦN NGUYỄN TRÀ MY	05/12/2005	Nữ	1	39.25	
448	130623	PHẠM THY NGÂN	30/06/2005	Nữ	1	40	



TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

THPT TRUNG VƯƠNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
449	130766	NGUYỄN NAM PHƯƠNG	04/03/2005	Nữ	1	38.25	
450	131379	HOÀNG NGỌC HƯƠNG GIANG	16/06/2005	Nữ	1	39.5	
451	131394	DƯƠNG GIA HÂN	12/01/2005	Nữ	2	35.75	
452	131415	NGUYỄN LÂM MINH HẰNG	09/08/2005	Nữ	1	38.25	
453	131439	NGUYỄN NGỌC HỒNG HOA	07/01/2005	Nữ	2	38.25	
454	131531	LÊ DUY KHANG	02/10/2005	Nam	1	38.25	
455	131534	LÊ TẤN KHANG	26/02/2005	Nam	1	36.75	
456	131660	VÕ NGUYỄN KHÁNH LINH	08/11/2005	Nữ	2	38.75	
457	131718	BÙI VIỆT HÀ MY	25/10/2005	Nữ	1	35	
458	131791	HUỖNH LÊ BẢO NGỌC	03/06/2005	Nữ	1	40	
459	131971	ĐỖ MINH QUÂN	19/05/2005	Nam	2	35.25	
460	131977	LẠI ĐỖ QUÂN	04/06/2005	Nam	1	35.5	
461	132017	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	19/05/2005	Nữ	1	37.25	
462	132091	VÕ BÁ THIÊN	18/12/2005	Nam	1	35.5	
463	132197	NGUYỄN NGỌC BÍCH TRÂM	08/06/2005	Nữ	1	36	
464	132302	NGUYỄN PHẠM KIM UYÊN	12/11/2005	Nữ	1	37.75	
465	132367	ĐINH NGỌC THANH XUÂN	01/09/2005	Nữ	1	37.5	
466	132382	ĐỖ ĐỨC AN	02/07/2005	Nam	1	35.5	
467	132417	LÂM PHƯƠNG ANH	14/10/2005	Nữ	1	38.5	
468	132426	NGUYỄN LÂM MAI ANH	02/06/2005	Nữ	1	35	
469	132432	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	13/03/2005	Nữ	1	36	
470	132447	TRẦN QUYÊN ANH	02/04/2005	Nam	2	37.75	
471	132463	NGUYỄN HOÀNG THIÊN BẢO	30/07/2005	Nam	1	35.75	
472	132467	PHẠM NGUYỄN GIA BẢO	17/10/2005	Nam	2	38.25	
473	132472	NGUYỄN NGỌC BÍCH	21/09/2005	Nữ	1	37	
474	132483	NGUYỄN LƯU HẢI CHÂU	09/04/2005	Nữ	1	41	
475	132504	HOÀNG THÀNH ĐẠT	17/11/2005	Nam	1	36.25	
476	132519	NGUYỄN XUÂN DỰ	14/11/2005	Nam	1	36.75	



TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRUNG VƯƠNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
477	132567	NGUYỄN ĐỨC HẢI	24/10/2005	Nam	1	40	
478	132615	NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	09/06/2005	Nữ	1	35	
479	132631	NGUYỄN NGỌC QUỲNH HOA	09/09/2005	Nữ	1	38.75	
480	132647	HUỲNH GIA HUÂN	27/02/2005	Nam	1	35.25	
481	132657	LÊ NGUYỄN BẢO HÙNG	12/08/2005	Nam	1	39	
482	132673	HUỲNH QUANG HUY	21/11/2005	Nam	1	37	
483	132678	NGUYỄN BÙI GIA HUY	25/07/2005	Nam	1	37.5	
484	132699	VŨ NHẤT HUY	11/09/2005	Nam	1	36.5	
485	132703	HÀ BẢO KHA	05/08/2005	Nam	1	38	
486	132728	NGUYỄN VÂN KHANH	24/10/2005	Nữ	1	36	
487	132756	TRỊNH ĐĂNG KHOA	16/10/2005	Nam	1	36.75	
488	132807	LÊ PHƯƠNG LINH	26/10/2005	Nữ	1	38.5	
489	132890	LÊ THÀNH NAM	08/10/2005	Nam	1	36.25	
490	132924	TỪ BẢO NGÂN	25/12/2005	Nữ	1	36.5	
491	132947	NGUYỄN TẠ BÍCH NGỌC	19/01/2005	Nữ	1	36.75	
492	132953	ĐỖ LÊ PHÚC NGUYỄN	09/06/2005	Nam	1	36.5	
493	132990	TRẦN NGỌC YẾN NHI	28/07/2005	Nữ	1	35.25	
494	133002	NGUYỄN NGỌC QUỲNH NHƯ	11/12/2005	Nữ	1	37	
495	133014	NGÔ MINH NHỰT	03/01/2005	Nam	1	42.25	
496	133021	NGUYỄN HUỲNH TẤN PHÁT	12/11/2005	Nam	1	37.75	
497	133065	LÊ NGUYỄN TRÚC PHƯƠNG	07/04/2005	Nữ	1	39.25	
498	133071	PHAN MAI PHƯƠNG	15/02/2005	Nữ	1	38.5	
499	133087	NGUYỄN THANH THỰC QUÂN	15/06/2004	Nữ	1	35.5	
500	133126	NGUYỄN NGỌC DIỄM QUỲNH	30/07/2005	Nữ	1	39	
501	133171	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG THANH	29/11/2005	Nữ	1	37	
502	133172	HỒ KIM THÀNH	27/06/2005	Nam	1	35.5	
503	133190	TRẦN HIỀN THẢO	11/06/2005	Nữ	1	37.5	
504	133242	VÕ NGỌC MINH THU	08/11/2005	Nữ	1	37	

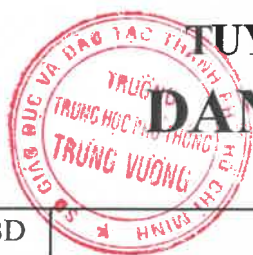
TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020



DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

THPT TRUNG ƯƠNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
505	133257	LÊ NGỌC THANH THỦY	13/02/2005	Nữ	1	35.25	
506	133259	PHẠM ĐOÀN XUÂN THỤY	07/10/2005	Nữ	1	39.75	
507	133316	NGUYỄN HOÀNG YẾN TRANG	20/03/2005	Nữ	1	35.75	
508	133348	NGÔ DUY TRUNG	17/09/2005	Nam	1	41.25	
509	133398	LÊ TÚ UYÊN	09/12/2005	Nữ	1	38.25	
510	133416	LÊ NGUYỄN KHÁNH VÂN	23/08/2005	Nữ	1	40.25	
511	133423	TRẦN KHÁNH VÂN	28/03/2005	Nữ	1	35	
512	133432	LÊ QUỐC VIỆT	08/06/2005	Nam	1	36.75	
513	133453	LÊ HOÀNG THÚY VY	20/07/2005	Nữ	1	37.75	
514	133490	NGUYỄN DIỄM XUÂN	15/04/2005	Nữ	1	40.25	
515	133899	BÙI TRẦN BẢO HÂN	26/08/2005	Nữ	1	35.5	
516	139569	PHẠM HIẾU TRUNG	11/05/2005	Nam	1	41.75	
517	139779	NGUYỄN HUY HOÀNG	03/03/2005	Nam	1	37	
518	139936	NGUYỄN THÁI GIA NGÂN	31/07/2005	Nữ	1	40.25	
519	140036	NGUYỄN TRẦN MINH QUÂN	15/12/2005	Nam	1	36.25	
520	140143	PHẠM NGUYỄN MỸ TRÂM	07/05/2005	Nữ	2	37	
521	144851	LÊ NGUYỄN TRÂM ANH	03/04/2005	Nữ	1	39.25	
522	144938	NGUYỄN TRÍ DŨNG	19/08/2005	Nam	1	37.5	
523	145169	PHẠM NGUYỄN XUÂN NGHI	23/04/2005	Nữ	1	37.5	
524	145224	TRẦN NGUYỄN UYÊN NHI	26/07/2005	Nữ	1	36.75	
525	148163	CHÂU GIA TUỆ	25/03/2005	Nữ	1	41.25	
526	164093	NGUYỄN MAI ANH	27/05/2005	Nữ	1	35.75	
527	166275	NGUYỄN ĐĂNG GIA PHÚ	13/03/2005	Nam	2	37.25	
528	174456	NGUYỄN TẤN PHÚC	12/09/2005	Nam	1	35.5	
529	174466	BÙI MAI PHƯƠNG	09/07/2005	Nữ	1	41.25	
530	90010	NGUYỄN ĐỨC AN	27/01/2005	Nam	2	36.25	
531	90030	NGUYỄN HẰNG DIỆU ÂN	17/02/2005	Nữ	2	38.5	
532	90036	BÙI NGỌC GIA ANH	05/01/2005	Nữ	2	38.75	



TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

THPT TRUNG VƯƠNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
533	90037	BÙI NGỌC MINH ANH	14/04/2005	Nữ	2	36	
534	90068	NGUYỄN HOÀNG ANH	13/06/2005	Nam	1	39	
535	90074	NGUYỄN MINH ANH	24/12/2005	Nữ	1	39	
536	90094	TRẦN ĐẶNG MINH ANH	26/11/2005	Nữ	2	35.25	
537	90108	LÊ HOÀNG BÁCH	13/05/2005	Nam	2	37	
538	90114	NGÔ HUỲNH HẢI BĂNG	20/04/2005	Nữ	2	37.5	
539	90132	VÕ THỊ AN BÌNH	13/01/2005	Nữ	1	35.25	
540	90138	BÙI TRẦN HỒNG CHÂU	04/09/2005	Nữ	1	36.75	
541	90158	ĐỖ CHÍ CÔNG	08/07/2005	Nam	2	38.75	
542	90184	TRƯƠNG NGUYỄN KHÁNH ĐOAN	06/10/2003	Nữ	2	37.75	
543	90192	NGUYỄN HOÀNG MINH ĐỨC	20/12/2005	Nam	2	37.75	
544	90235	PHAN QUỲNH GIANG	22/07/2005	Nữ	1	39.5	
545	90269	TẶNG KIẾT HẢO	18/09/2005	Nam	1	36.5	
546	9028	NGUYỄN PHAN BẢO DI	08/10/2005	Nam	1	39.5	
547	90291	TRẦN LÂM VIỆT HOÀNG	12/07/2005	Nam	2	35.5	
548	90333	TRẦN GIA HUY	10/02/2005	Nam	2	37.75	
549	90334	TRẦN HOÀNG BÁ HUY	11/09/2005	Nam	2	35.25	
550	90337	TRÌNH QUANG HUY	30/05/2005	Nam	2	35.25	
551	90362	QUÁCH VĨNH KHANG	07/09/2005	Nam	1	35.5	
552	90373	TRỊNH TUẤN KHANH	10/11/2005	Nam	1	39.75	
553	90374	TRƯỜNG MAI KHANH	25/04/2005	Nữ	2	35.75	
554	90395	TRẦN ĐÌNH KHOA	26/07/2005	Nam	1	39.5	
555	90400	DƯƠNG MINH KHÔI	12/11/2005	Nam	2	37.5	
556	90435	NGUYỄN HOÀNG KIM	17/01/2005	Nam	1	35.5	
557	90483	NGÔ HÒA LUÂN	25/09/2005	Nam	2	37.75	
558	90500	NGÔ LÊ CAO MINH	03/03/2005	Nam	1	37.25	
559	90504	NGUYỄN HOÀNG NHẬT MINH	18/08/2005	Nam	1	39.75	
560	90506	NGUYỄN NHẬT MINH	28/03/2005	Nam	1	37.75	



TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯNG VƯƠNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
561	90559	HUỲNH MINH NGHI	23/02/2005	Nữ	2	37.25	
562	90565	LƯU PHƯƠNG NGHI	20/04/2005	Nữ	1	38.5	
563	90570	PHẠM HUỲNH PHƯƠNG NGHI	07/11/2005	Nữ	2	36.25	
564	90575	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	04/09/2005	Nam	1	35	
565	90577	ĐINH BẢO NGỌC	10/08/2005	Nữ	1	37.75	
566	90601	TRẦN VŨ BẢO NGỌC	27/04/2005	Nữ	2	37.75	
567	90618	NGUYỄN THẢO NGUYÊN	03/09/2005	Nữ	2	36	
568	90619	PHẠM ĐÌNH NGUYÊN	09/09/2005	Nam	1	37.75	
569	90620	PHẠM KHÔI NGUYÊN	07/04/2005	Nam	2	37.5	
570	90626	VŨ ĐỨC NGUYÊN	13/07/2005	Nam	1	38.25	
571	90636	VÕ THIÊN NHÂN	31/08/2005	Nam	1	41.5	
572	90652	NGUYỄN ĐỖ PHƯƠNG NHI	28/04/2005	Nữ	1	36	
573	90657	NGUYỄN PHƯƠNG NHI	24/02/2005	Nữ	1	37.5	
574	90661	NGUYỄN TRẦN MINH NHI	03/05/2005	Nữ	2	37.25	
575	90714	NGUYỄN HOÀNG MINH PHƯƠNG	01/11/2005	Nam	1	39.75	
576	90717	NGUYỄN NGỌC MINH PHƯƠNG	22/10/2005	Nữ	1	39.5	
577	90736	PHẠM MẠNH QUÂN	10/05/2005	Nam	1	37	
578	90752	NGÔ NGỌC NHƯ QUỲNH	26/09/2005	Nữ	1	40.5	
579	90794	NGUYỄN HOÀNG NHƯ THẢO	06/03/2005	Nữ	1	35	
580	90799	NGUYỄN TRANG THI	12/07/2005	Nữ	1	39.25	
581	9080	LÊ NGUYỄN NGỌC MINH	12/05/2005	Nam	2	37.75	
582	90832	DƯƠNG MINH THÚY	01/08/2005	Nữ	1	37.75	
583	90836	HUỲNH VƯƠNG NHÃ THỤY	30/12/2005	Nữ	2	36	
584	90871	ĐỖ TRẦN PHƯƠNG TRÂN	30/12/2005	Nữ	2	36.75	
585	90914	TRẦN MINH TÚ	20/11/2005	Nam	3	35.5	
586	90930	NGUYỄN PHẠM VŨ UY	07/02/2005	Nam	1	37	
587	90942	NGUYỄN MINH TỐ VÂN	16/07/2005	Nữ	1	41.25	
588	90996	CAO NGUYỄN HOÀNG KHANG	01/04/2005	Nam	1	38	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRUNG VƯƠNG



STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
589	90998	NGUYỄN QUANG MINH	11/11/2005	Nam	1	38.25	
590	91002	NGUYỄN ĐÀM KHÁNH NHƯ	27/12/2005	Nữ	1	36	
591	91009	ĐINH HOÀN MỸ TIÊN	22/02/2005	Nữ	1	35.25	
592	91020	NGÔ THANH QUYỀN ANH	03/08/2005	Nam	2	36.25	
593	91037	TĂNG HẠNH CHI	26/06/2005	Nữ	1	39.5	
594	91043	VÕ ĐỨC ĐẠT	08/12/2005	Nam	2	37	
595	91138	PHÙNG SỞ MINH	23/09/2005	Nam	2	35.75	
596	91180	LÊ ĐÌNH KHÁNH NHƯ	03/11/2005	Nữ	1	36.25	
597	91181	LÊ QUANG TƯỜNG NHƯ	15/04/2005	Nữ	1	42.25	
598	91209	HUỲNH CAO TÂN	11/08/2005	Nam	2	35.75	
599	91226	TRẦN SONG THƯ	31/05/2005	Nữ	1	39.25	
600	91246	TRẦN THÀNH TRUNG	20/01/2005	Nam	2	37.25	
601	91261	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG UYÊN	23/03/2005	Nữ	1	36.75	
602	91285	ĐÀO TUẤN ANH	09/09/2005	Nam	2	37.25	
603	91335	NGUYỄN HUYỀN ANH HUY	04/05/2005	Nam	2	36	
604	91342	TRẦN QUANG KHẢI	05/05/2005	Nam	2	38	
605	91404	NGUYỄN GIA PHÚC	24/11/2005	Nam	1	35.5	
606	91407	PHẠM VŨ PHÚC	09/07/2005	Nam	1	40	
607	91437	PHẠM NGỌC TRÂN TRÂN	02/08/2005	Nữ	2	38	
608	91443	MAI THẾ MẠNH TUẤN	01/10/2005	Nam	1	38	
609	91449	CHẾ THỊ THẢO VÂN	16/07/2005	Nữ	2	35.75	
610	91454	CHÂU NGUYỄN TƯỜNG VY	29/09/2005	Nữ	1	39	
611	91469	NGUYỄN HỮU ANH ĐỨC	17/02/2005	Nam	1	36.75	
612	91483	NGÔ ĐỨC TRÍ	23/05/2005	Nam	1	37.5	
613	91486	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	15/08/2005	Nữ	1	35.25	
614	91519	PHẠM MINH CHÂU	12/05/2005	Nữ	2	38.5	
615	91528	NGUYỄN LÊ THÙY DƯƠNG	23/05/2005	Nữ	1	35.5	
616	91536	NGUYỄN XUÂN BẢO HÂN	18/10/2005	Nữ	2	36.75	

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN

THPT TRUNG VƯƠNG



STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
617	91540	NGUYỄN HOÀNG HIỆP	12/10/2005	Nữ	2	36.5	
618	91637	NGUYỄN KHÁNH NGÂN	02/09/2005	Nữ	2	36.25	
619	91642	NGUYỄN HỮU THẮNG	11/09/2005	Nam	2	38.5	
620	91708	NGUYỄN TAM ĐẠT	22/01/2005	Nam	2	38.5	
621	91801	HUỲNH ĐĂNG KHOA	19/10/2005	Nam	1	38	
622	91803	LÊ PHAN MINH KHOA	09/08/2005	Nam	3	37.75	
623	91925	PHAN THANH PHƯỚC	07/01/2005	Nam	1	41.75	
624	91931	NGUYỄN ANH MINH QUÂN	09/09/2005	Nam	1	40.5	
625	91941	ĐẶNG TÚ QUYÊN	22/08/2005	Nữ	1	40.25	
626	91990	TRẦN THỊ THÙY TRANG	16/09/2005	Nữ	2	38.5	
627	92004	KIỀU CHUNG TÚ	05/05/2005	Nam	2	38.25	
628	92018	TRẦN PHƯƠNG VIÊN	06/08/2005	Nữ	1	37.75	
629	92035	LÊ NGỌC MINH ANH	15/05/2005	Nữ	1	36.5	
630	92057	TRẦN LIỄU MAI ANH	01/02/2005	Nữ	1	35.75	
631	92137	VÕ PHAN MINH KHÔI	05/11/2005	Nam	2	37.5	
632	92151	LÊ CHÂU KHÁNH LINH	17/01/2005	Nữ	1	36.25	
633	92152	NGUYỄN AN GIA LINH	30/09/2005	Nữ	2	36.75	
634	92154	PHẠM KHÁNH LINH	23/02/2005	Nữ	1	38.5	
635	9218	PHẠM ĐỨC HẢI	12/06/2005	Nam	2	36.75	
636	92191	NGUYỄN PHÚC GIA NGHI	19/08/2005	Nữ	1	36	
637	92201	HỒ THỊ MINH NGỌC	24/01/2005	Nữ	1	36.75	
638	92263	PHẠM TRẦN THANH TÂM	09/08/2005	Nữ	1	35.25	
639	92274	NGUYỄN NỮ ANH THI	06/09/2005	Nữ	2	36.5	
640	92342	NGÔ THANH VINH	19/11/2005	Nam	2	37.25	
641	92354	THIỀU NGỌC KHÁNH VY	27/02/2005	Nữ	1	40	
642	92508	PHẠM LAN CHI	15/08/2005	Nữ	2	37.75	
643	92718	TRẦN LAM KHANH	15/01/2005	Nữ	3	36.5	
644	92906	TRẦN HOÀNG NGÂN	21/06/2005	Nữ	2	39.5	



TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRƯỜNG VƯƠNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
645	93049	PHẠM GIA PHÚ	18/07/2005	Nam	1	35.25	
646	93169	NGUYỄN MINH THÁI	28/04/2005	Nam	2	37.5	
647	93305	LÝ GIA TRANG	06/03/2005	Nữ	1	37.5	
648	93400	VÕ ĐĂNG VINH	11/05/2005	Nam	2	37.5	
649	93468	TRƯƠNG NGUYỄN HOÀNG AN	25/12/2005	Nam	2	36.75	
650	94008	PHẠM ĐỨC DUY	01/05/2005	Nam	1	43	
651	94294	NGUYỄN PHÚC HƯNG KHANG	23/10/2005	Nam	2	36.25	
652	94417	TRẦN LẬP KHÔI NGUYỄN	14/08/2005	Nam	2	36	
653	94605	ĐẶNG TRÍ VƯƠNG	19/09/2005	Nam	2	40.25	
654	94774	ÂU BẢO KỲ	20/06/2005	Nữ	1	38	
655	94823	NHỮ VŨ KHUÊ NGÂN	31/12/2005	Nữ	1	36.25	
656	95058	TRẦN NGỌC MINH VÂN	13/05/2005	Nữ	1	37.25	
657	95838	LÊ PHẠM THÁI BẢO	11/04/2005	Nữ	1	38	
658	95848	NGUYỄN NGỌC BẢO CƯỜNG	03/04/2005	Nam	1	38.5	
659	95854	HUỲNH TUẤN ĐẠT	05/08/2005	Nam	1	40.75	
660	95860	TRẦN ANH ĐỨC	05/02/2005	Nam	2	38	
661	95880	NGUYỄN BÁ THẢO HIỀN	21/04/2005	Nữ	1	36.5	
662	95906	NGUYỄN TUẤN KHANG	11/03/2005	Nam	2	36.25	
663	95933	LÊ PHƯƠNG THẢO LINH	11/01/2005	Nữ	2	37.5	
664	95934	LƯU NGUYỄN HUYỀN LINH	30/01/2005	Nữ	1	39.5	
665	95939	NGUYỄN DIỄM LY	17/12/2005	Nữ	1	37.25	
666	95964	LÊ HỒ PHƯƠNG NGHI	01/08/2005	Nữ	1	40.75	
667	95983	HỒ THỰC NHI	05/04/2005	Nữ	2	38	
668	95999	TRẦN KIM PHỤNG	24/10/2005	Nữ	1	41.25	
669	96001	TẠ PHƯƠNG PHƯƠNG	19/10/2005	Nữ	1	39.25	
670	96004	NGUYỄN TRẦN MINH QUÂN	12/06/2005	Nam	1	40.75	
671	96020	NGUYỄN TRẦN HOÀNG THÁI	26/12/2005	Nam	1	37.5	
672	96053	LÂM MÃN TIỆP	03/09/2005	Nữ	2	35.75	



TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020
DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
THPT TRUNG VƯƠNG

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	NV Trúng tuyển	Tổng điểm	Ghi chú
673	96072	VŨ DUY HOÀNG VIỆT	08/07/2005	Nam	1	37.5	
674	96078	LÊ THẢO VY	28/06/2005	Nữ	2	38.5	
675	96085	VŨ HẢI YẾN	27/09/2005	Nữ	2	35.5	
676	96132	TĂNG NHẤT MINH	03/10/2005	Nam	2	35.5	
677	96194	HÀ MINH HIẾU	22/08/2005	Nam	1	40	
678	96205	ĐINH PHẠM KHÁNH LINH	06/11/2005	Nữ	2	37.75	